

Thứ năm, ngày 7 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà tăng nổi tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/5/2020		•	
Tuần 4/5-8/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nổi tiếp nhịp tăng điểm của phiên hôm trước, thị trường đang tiến về kiểm tra lại ngưỡng kháng cự trung hạn 800 điểm. Xu hướng tăng mạnh mẽ và lên cao dần vào phiên chiều với 26/30 cổ phiếu của nhóm VN30 tăng điểm. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước cùng độ rộng thị trường tích cực báo hiệu tâm lý phân khởi của vẫn đang chủ đạo các giao dịch trên thị trường. Khối ngoại vẫn bán ròng mạnh ở những lượng bán cũng đã suy giảm đi khá nhiều so với giai đoạn trước. Nhịp tăng điểm hưng phấn đồng thuận với diễn biến tích cực của phong trào chống dịch COVID 19 khi thủ tướng đã đồng ý cho mở cửa lại dịch vụ không thiết sau 21 ngày cả nước không có ca nhiễm nào mới. Sự kiện tích cực có thể giúp thị trường vượt qua ngưỡng kháng cự 800 trong phiên cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 735 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_2.9%

Phân tích kỹ thuật: MPC_Hưng phấn (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.95 điểm**, đóng cửa 796.54. HNX-Index **+1.65 điểm**, đóng cửa 108.31.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.22)**; **SAB (+2.01)**; **BID (+2.78)**; **HPG (+1.10)**; **VIC (+0.96)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VRE (-0.13)**; **HNG (-0.06)**; **HDB (-0.03)**; **SII (-0.03)**; **HSG (-0.022)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,438 tỷ đồng**, **+4.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.46 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 184 mã tăng, 80 mã tham chiếu và 117 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-120.34 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm SVC (27.97 tỷ), VIC (22.6 tỷ) và VRE (20.5 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.79 tỷ đồng**.

VN-INDEX **796.54**Giá trị: 3621.57 tỷ **13.95 (1.78%)**

Khối ngoại (ròng): -120.34 tỷ

HNX-INDEX **108.31**Giá trị: 360.14 tỷ **1.65 (1.55%)**

Khối ngoại (ròng): -6.79 tỷ

UPCOM-INDEX **52.37**Giá trị: 237.14 tỷ **0.03 (0.06%)**

Khối ngoại (ròng): -10.11 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	25.4	5.88%
Giá vàng	1,692	0.39%
Tỷ giá USD/VND	23,428	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,296	-0.40%
Tỷ giá JPY/VND	22,000	-0.35%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	4.15%
LS TPCP 5 năm	2.3%	2.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	40.4	SVC	-28.0
VNM	40.0	VIC	-22.6
VPB	14.4	VRE	-20.5
PLX	13.8	BVH	-19.1
BID	9.2	VCB	-17.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_2.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	7/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	2.9%	3.9%	3.9%	29.1%	-11.4%	-11.4%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	2.5%	4.0%	4.0%	34.6%	-8.9%	-8.9%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.4%	3.5%	3.5%	28.2%	-18.1%	-18.1%	22.1%
Ngân Hàng	2.1%	2.9%	2.9%	18.4%	-14.9%	-14.9%	22.1%
Corona Avengers	2.1%	2.8%	2.8%	37.2%	-9.6%	-9.6%	15.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.8%	4.2%	4.2%	20.3%	-15.4%	-15.4%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.8%	2.8%	2.8%	19.5%	-17.3%	-17.3%	17.6%
FTSE Việt Nam	1.8%	4.8%	4.8%	18.4%	-15.4%	-15.4%	15.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.7%	2.9%	2.9%	20.6%	-20.4%	-20.4%	22.1%
VN FinSelect	1.7%	2.8%	2.8%	18.4%	-17.2%	-17.2%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.6%	3.3%	3.3%	23.6%	-14.7%	-14.7%	17.6%
Lãi suất giảm	1.6%	4.0%	4.0%	34.0%	-11.6%	-11.6%	19.1%
VN Diamond	1.5%	2.5%	2.5%	24.2%	-18.2%	-18.2%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.4%	1.9%	1.9%	23.5%	-17.9%	-17.9%	17.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.4%	1.6%	1.6%	27.1%	-13.8%	-13.8%	22.7%
Hàng tiêu dùng	1.4%	2.6%	2.6%	37.3%	-11.5%	-11.5%	15.7%
Chiến tranh thương mại	1.3%	3.2%	3.2%	35.0%	-14.5%	-14.5%	17.6%
Stay-at-home	1.0%	1.7%	1.7%	31.6%	-4.6%	-4.6%	22.1%
Cổ phiếu ngành Dược	0.9%	0.7%	0.7%	16.4%	-6.8%	-6.8%	17.6%
Nước & Năng lượng	0.5%	0.9%	0.9%	22.5%	-13.1%	-13.1%	22.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.4%	1.5%	1.5%	18.7%	-17.7%	-17.7%	22.7%
Dầu khí	0.0%	2.8%	2.8%	31.7%	-28.8%	-28.8%	15.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	1.7%	1.7%	24.9%	-2.8%	-2.8%	15.7%
Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	3.9%	3.4%	3.4%	35.4%	-17.9%	-17.9%	20.9%
S32	2.5%	2.8%	2.8%	33.7%	-21.5%	-21.5%	22.1%
M22	2.1%	4.1%	4.1%	25.4%	-11.9%	-11.9%	18.8%
S21	1.8%	2.0%	2.0%	25.3%	-15.2%	-15.2%	19.9%
S11	1.7%	3.0%	3.0%	18.8%	-9.2%	-9.2%	18.7%
M12	1.6%	2.6%	2.6%	19.3%	-14.9%	-14.9%	19.9%
L22	1.3%	1.2%	1.2%	28.6%	-15.7%	-15.7%	19.6%
M31	1.2%	2.8%	2.8%	23.3%	-15.8%	-15.8%	20.9%
L11	0.9%	1.2%	1.2%	21.1%	-16.1%	-16.1%	17.4%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.2%	2.9%	2.9%	29.9%	-7.4%	-7.4%	18.9%
LOW1	1.2%	2.4%	2.4%	17.3%	-13.4%	-13.4%	17.0%
MID1	0.4%	1.9%	1.9%	27.2%	-8.4%	-8.4%	17.4%
INDEX							
VNINDEX	1.8%	3.6%	3.6%	20.2%	-17.1%	-17.1%	16.8%
VN30INDEX	1.9%	3.4%	3.4%	21.2%	-15.8%	-15.8%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	7	16	5	18	5	18
Mục tiêu	9	4	5	1	8	1	8
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

MPC_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MPC đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi đã tích lũy trung hạn trong khu vực giá 18-22. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng hơn 5% khá ấn tượng, qua đó đóng cửa tại ngưỡng 25. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn nhiều. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu nằm tại mốc 23. Theo đánh giá của chúng tôi, MPC tiềm năng sẽ tiếp tục tăng cho đến khi tiếp cận vùng giá xung quanh 30.



Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 7/5/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 7/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.21	0.92%	28.50%	-19.20%	-59.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.84	0.40%	12.70%	-14.50%	-55.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	88.64	1.08%	13.10%	16.30%	-52.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1690.87	0.31%	0.30%	2.60%	32.65%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.95	0.68%	-0.10%	-0.40%	3.46%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	835.00	0.30%	-2.40%	-3.00%	-6.60%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	518.50	0.19%	-1.10%	-5.90%	6.52%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.62	0.00%	9.50%	-1.30%	-17.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	153.00	2.82%	2.20%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.27	-4.73%	3.50%	-0.60%	-24.32%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.60	-0.05%	5.00%	-5.10%	8.38%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5198.00	0.78%	-1.20%	6.10%	-14.81%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3430.00	1.24%	2.80%	7.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1479.50	-0.34%	-1.80%	-0.80%	-17.76%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	617.50	1.06%	1.90%	10.00%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.75	1.34%	1.10%	-16.10%	-38.84%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 giảm 1.25 USD hay 4% xuống 29.72 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 giảm 57 US cent xuống 23.99 USD/thùng.
- Iraq vẫn chưa thông báo cho các khách hàng mua dầu thường xuyên về cắt giảm xuất khẩu của họ, có thấy họ đang vật lộn để thực hiện đầy đủ thỏa thuận OPEC+. Việc tuân thủ không hoàn toàn của Iraq cũng như các nhà sản xuất nhỏ hơn khác như Nigeria và Angola có thể gây tổn hại tới nỗ lực của tổ chức OPEC+, ngay cả khi sản lượng của Nga trong 5 ngày đầu tháng 5 đã giảm gần với mục tiêu sản lượng của họ.
- Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ tồn trữ dầu thô và sản phẩm chưng cất tăng trong tuần trước, một dấu hiệu sự phục hồi chậm chạp trong nhu cầu. Tồn trữ dầu thô tăng 15 tuần liên tiếp, tăng 4.6 triệu thùng, ít hơn dự báo tăng 7.8 triệu thùng của các nhà phân tích trong một thăm dò của Reuters.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.1% xuống 1,686.5 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 1.3% xuống 1,688.5 USD/ounce.
- 2 nhà luyện vàng lớn nhất thế giới cho biết họ đang nối lại hoạt động hoàn toàn. Tâm lý rất tích cực trong các thị trường chứng khoán khi các nền kinh tế đang mở lại cửa gây áp lực cho giá vàng

Giá sắt thép

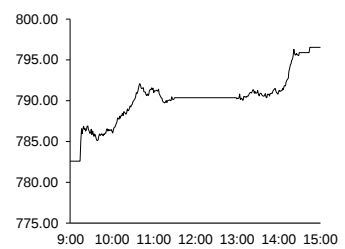
- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 0.6% lên 611 CNY (86.22 USD)/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 10 dừng trong xây dựng trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 1.5% lên 3,392 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 1.5% lên 3,248 CNY/tấn.
- Bắc Kinh đã nới lỏng các quy định trước đợt nghỉ lễ từ 1/5 tới 5/5 và cho phép mọi người đi lại từ những nơi có nguy cơ thấp của đất nước, cho thấy hoạt động kinh tế sẽ phục hồi sau những hạn chế kéo dài nhiều tháng.
- Các nhà máy thép của Trung Quốc nhanh chóng tăng sản lượng do lợi nhuận đang tăng và hy vọng các gói kích thích của chính phủ sẽ khôi phục tiêu dùng, bất chấp tồn kho lớn và nhu cầu thép toàn cầu suy giảm bởi đại dịch

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 0.51 US cent hay 4.7% xuống 10.27 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 12.6 USD hay 3.5% xuống 345.1 USD/tấn. Đồng real đã giảm xuống gần mức thấp kỷ lục trong phiên.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 thay đổi ít tại 1.106 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 1 USD hay 0.1% lên 1,197 USD/tấn.
- Colombia sản xuất 744,000 bao cà phê arabica sạch loại 60kg/bao trong tháng 4, giảm 28% so với một năm trước, với xuất khẩu trong tháng 4 giảm 32% xuống 592,000 bao. Sản lượng và xuất khẩu giảm do việc phong tỏa bởi virus corona.

Hình 1

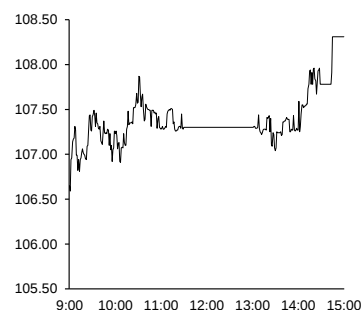
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

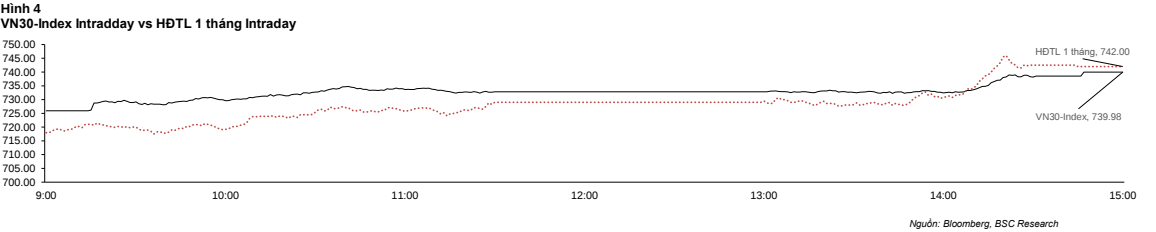
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	4.08%
Hóa chất	3.28%
Thực phẩm và đồ uống	2.85%
Ngân hàng	2.61%
Du lịch và Giải trí	1.94%
Dịch vụ tài chính	1.74%
Truyền thông	1.72%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.55%
Bán lẻ	1.44%
Xây dựng và Vật liệu	1.15%
Công nghệ Thông tin	1.02%
Y tế	0.81%
Bảo hiểm	0.73%
Bất động sản	0.71%
Ô tô và phụ tùng	0.40%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.36%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.18%
Dầu khí	0.02%
Viễn thông	0.00%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	742.00	3.34%	2.02	18.6%	212,402	5/21/2020	14
VN30F2006	731.50	3.76%	-8.48	91.8%	1,701	6/18/2020	42
VN30F2009	720.30	3.34%	-19.68	28.6%	310	9/17/2020	133
VN30F2012	728.00	4.52%	-11.98	121.7%	133	12/17/2020	224

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục tăng mạnh + 14.04 điểm lên mức 739.98 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VNM, VPB, VCB, và VJC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực sau đó vận động tích lũy dưới 735 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục tích lũy trước khi tăng mạnh về cuối phiên lên gần 740 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 760 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng giá kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 735 điểm cho các hợp đồng dài hạn

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2004	SSI	6/15/2020	39	1:1	461,720	35.2%	5.0 triệu	32.81%	2,800	1,410	74.07%	908.10	1.55
CHPG2001	HSC	6/30/2020	54	2:1	450,360	16.8%	5.0 triệu	32.81%	1,800	910	51.67%	446.90	2.04
CHPG2005	VND	10/1/2020	147	1:1	517,550	11.3%	2.0 triệu	32.81%	2,100	6,720	17.89%	4,885.90	1.38
CHPG2002	KIS	12/16/2020	223	2:1	110,490	427.4%	3.0 triệu	32.81%	1,700	1,150	13.86%	339.90	3.38
CMBB2003	SSI	11/9/2020	186	1:1	42,560	46.3%	3.0 triệu	32.56%	2,000	1,860	11.38%	971.20	1.92
CMBB2002	SSI	8/10/2020	95	1:1	65,480	156.4%	3.0 triệu	32.56%	1,300	1,070	10.31%	506.40	2.11
CPNJ2002	VND	10/1/2020	147	2:1	235,380	11610.4%	1.0 triệu	33.68%	2,400	3,470	10.16%	826.20	4.20
CMBB2004	VND	7/1/2020	55	1:1	93,700	-31.6%	2.0 triệu	32.56%	1,100	1,590	7.43%	537.50	2.96
CVPB2001	HSC	6/22/2020	46	2:1	312,060	45.2%	5.0 triệu	40.28%	1,500	1,050	7.14%	938.60	1.12
CFPT1908	MBS	6/17/2020	41	3:1	155,340	-58.3%	2.4 triệu	31.95%	3,150	900	7.14%	600.40	1.50
CSTB2002	KIS	12/16/2020	223	1:1	98,140	64.6%	3.0 triệu	37.35%	1,700	1,200	4.35%	394.70	3.04
CFPT2003	SSI	11/9/2020	186	1:1	73,920	57.6%	2.0 triệu	31.95%	7,300	10,110	3.91%	6,813.30	1.48
CSTB2001	KIS	6/19/2020	43	1:1	341,600	163.4%	5.0 triệu	37.35%	1,500	270	3.85%	61.00	4.43
CFPT2004	SSI	8/10/2020	95	1:1	59,030	41.6%	2.0 triệu	31.95%	5,100	7,620	3.53%	5,231.80	1.46
CREE2002	VND	7/1/2020	55	1:1	90,370	-13.1%	1.5 triệu	29.28%	1,800	2,270	0.00%	884.40	2.57
CFPT2001	HSC	6/22/2020	46	5:1	176,730	-14.1%	5.0 triệu	31.95%	1,600	470	0.00%	249.40	1.88
CVRE2001	KIS	9/21/2020	137	4:1	332,800	-8.1%	8.0 triệu	39.26%	1,500	170	0.00%	43.30	3.93
CFPT2005	VND	7/1/2020	55	1:1	105,390	467.8%	1.0 triệu	31.95%	2,900	6,780	-1.45%	5,032.80	1.35
CMWG2005	VND	10/1/2020	147	2:1	58,740	-4.5%	1.0 triệu	38.30%	2,500	7,040	-2.22%	2,400.20	2.93
CVHM2001	KIS	12/16/2020	223	5:1	64,970	-71.8%	2.0 triệu	32.94%	3,100	1,120	-2.61%	216.50	5.17
Tổng:					3,846,330		61.90 triệu	33.86%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 07/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng mạnh.

- Về giá, CHPG2005 và CHPG2002 tăng mạnh lần lượt là 17.89% và 13.86%. Giá trị giao dịch tăng 38.90%. CHPG2005 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 35.75% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	23.60	6.31	3.04
VNM	103.40	1.87	1.41
VPB	21.40	2.64	1.23
VCB	69.70	3.11	1.12
VJC	115.20	2.77	1.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VRE	24.8	-0.80	-0.11
HDB	21.3	-0.47	-0.09
ROS	3.6	-1.11	-0.02
SBT	14.3	0.00	0.00
GAS	68.7	0.15	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2004	26,300	23,500	23,600
CHPG2001	27,600	24,000	23,600
CHPG2005	21,100	19,000	23,600
CHPG2002	33,399	29,999	23,600
CMBB2003	20,000	18,000	16,300
CMBB2002	19,300	18,000	16,300
CPNJ2002	73,800	69,000	57,500
CMBB2004	18,100	17,000	16,300
CVPB2001	23,000	20,000	21,400
CFPT1908	63,450	54,000	53,500
CSTB2002	13,588	11,888	9,340
CFPT2003	57,300	50,000	53,500
CSTB2001	12,499	10,999	9,340
CFPT2004	55,100	50,000	53,500
CREE2002	33,800	32,000	30,600
CFPT2001	64,000	56,000	53,500
CVRE2001	42,789	36,789	24,800
CFPT2005	51,900	49,000	53,500
CMWG2005	97,000	92,000	82,600
CVHM2001	110,067	94,567	67,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.6	1.7%	1.2	1,626	4.3	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	57.5	1.8%	1.3	563	2.0	5,248	11.0	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.0	1.0%	1.4	1,515	1.8	1,168	40.2	1.8	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.4	-1.0%	0.6	295	0.0	2,092	14.5	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.0	1.1%	0.9	14,118	2.6	2,095	45.8	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	24.8	-0.8%	1.1	2,450	2.7	1,226	20.2	2.1	31.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.1	0.2%	0.8	2,238	3.5	3,584	14.8	2.3	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	30.6	0.7%	0.9	413	0.5	4,976	6.1	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	9.7	2.3%	1.5	219	0.9	2,289	4.2	0.7	39.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.2	1.9%	1.3	345	1.3	1,415	9.3	0.7	51.0%	7.8%
VCI	Chứng khoán	19.0	3.3%	1.0	136	0.3	4,240	4.5	0.8	33.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.9	3.0%	1.8	224	1.4	1,480	11.4	1.2	54.6%	12.0%
FPT	Công nghệ	53.5	1.1%	0.8	1,586	4.7	4,804	11.1	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.2	-0.6%	0.4	521	0.0	4,812	10.0	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.7	0.1%	1.4	5,717	2.1	5,820	11.8	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	42.1	0.2%	1.5	2,177	2.3	869	48.4	2.7	13.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.0	-0.8%	1.6	249	1.4	1,777	6.8	0.5	14.3%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.0	0.0%	0.8	809	0.4	898	6.7	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	97.1	2.1%	0.5	552	0.1	5,046	19.2	3.6	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	-0.4%	0.6	237	0.8	1,006	13.8	0.7	14.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.0	-1.1%	0.6	184	0.4	415	19.3	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	69.7	3.1%	1.2	11,240	5.8	4,848	14.4	3.0	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	37.6	4.3%	1.5	6,566	4.1	2,140	17.5	2.0	17.8%	12.0%
CTG	Ngân hàng	20.4	1.0%	1.2	3,302	6.7	2,510	8.1	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.4	2.6%	1.2	2,268	3.1	3,750	5.7	1.2	22.8%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.3	2.2%	1.1	1,709	4.4	3,398	4.8	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.2	1.9%	1.0	1,533	2.7	3,780	5.6	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	44.5	0.3%	0.9	158	0.4	5,303	8.4	1.4	79.1%	17.0%
NTP	Nhựa	32.7	-0.3%	0.4	140	0.1	4,208	7.8	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	-0.7%	0.6	637	0.0	356	41.6	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	23.6	6.3%	1.1	2,833	14.8	2,764	8.5	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	7.9	-2.3%	1.6	153	3.3	1,491	5.3	0.6	17.4%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	103.4	1.9%	0.7	7,829	7.0	5,453	19.0	6.0	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	169.0	7.0%	0.8	4,712	0.5	6,719	25.2	6.3	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	58.8	1.4%	1.0	2,988	2.0	3,961	14.8	1.6	36.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.3	0.0%	0.8	364	1.3	141	101.3	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	58.0	1.9%	0.8	5,490	0.4	3,450	16.8	3.4	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	115.2	2.8%	1.1	2,624	2.0	7,889	14.6	3.9	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	26.7	1.1%	1.7	1,646	0.8	1,654	16.1	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	18.3	1.7%	1.0	236	0.3	1,583	11.6	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.1	1.3%	1.0	124	0.7	2,117	4.8	0.6	25.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.9	5.4%	1.1	438	2.0	9,201	7.1	3.0	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	0.0%	0.8	337	0.3	1,453	11.9	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	3.4%	1.0	229	0.3	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	67.0	2.8%	1.2	222	1.0	8,032	8.3	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.8%	0.5	492	0.1	1,498	17.1	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.8	2.1%	0.4	213	0.8	1,775	11.2	0.9	45.6%	8.5%
POW	Điện	10.2	2.5%	0.6	1,039	2.4	1,028	9.9	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	20.2	-0.2%	0.6	252	0.2	2,543	7.9	1.3	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	69.70	3.11	2.22	1.94MLN
SAB	169.00	6.96	2.01	63680.00
BID	37.55	4.31	1.78	2.52MLN
HPG	23.60	6.31	1.10	14.73MLN
VIC	96.00	1.05	0.97	617800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	0.00	-0.13	2.52MLN	1.11MLN
HNG	0.00	-0.06	113640.00	607060.00
HDB	0.00	-0.03	1.20MLN	373600.00
SII	-0.01	-0.03	460.00	192700.00
HSG	0.00	-0.02	9.37MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHC	32.10	7.00	0.11	1.02MLN
VNE	4.59	6.99	0.01	400640.00
HRC	34.45	6.99	0.02	630.00
BTT	42.20	6.97	0.01	20.00
SAB	169.00	6.96	2.01	63680.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	18.60	-7.00	0.00	7690.00
HTL	12.00	-6.98	0.00	1000.00
VPD	16.70	-6.96	-0.01	2930.00
SCD	24.15	-6.94	0.00	340.00
TCR	3.64	-6.91	0.00	1720.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.10	3.87	0.80	2.01MLN
ACB	21.20	1.92	0.65	2.97MLN
VCS	64.90	5.36	0.11	737100.00
SHS	8.60	6.17	0.07	1.64MLN
NVB	7.90	1.28	0.04	3.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DL1	16.20	-10.00	-0.08	100.00
VIF	17.00	-6.08	-0.04	100.00
PVS	12.00	-0.83	-0.02	2.65MLN
DGC	28.90	-1.03	-0.02	148300.00
TAR	32.50	-2.11	-0.01	343200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

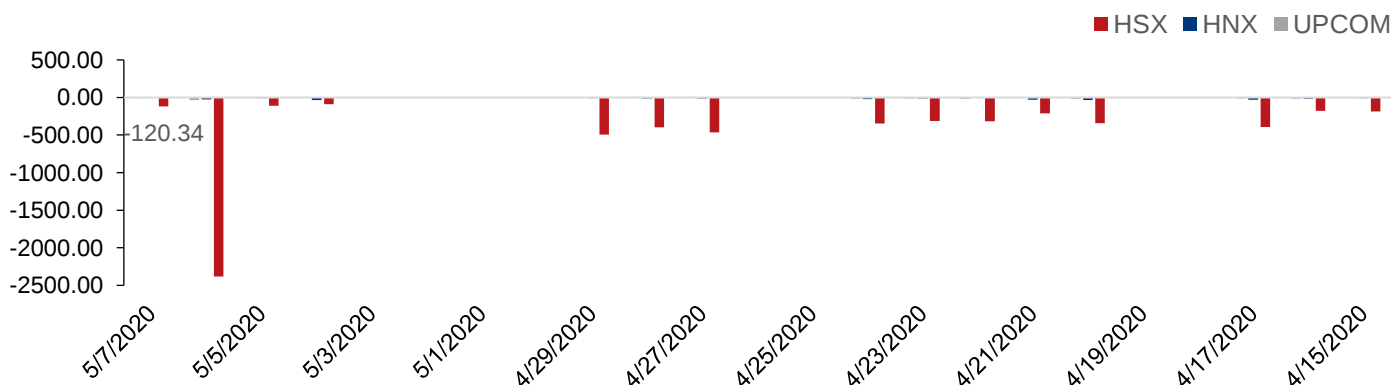
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.90	12.5	0.00	127000.00
DST	2.20	10.0	0.01	262300.00
HHG	1.10	10.0	0.00	12400.00
MCF	9.90	10.0	0.00	100.00
VHE	5.50	10.0	0.00	27500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.40	-20.00	0.00	139700.00
MEC	0.70	-12.50	0.00	30800.00
SIC	8.00	-11.11	-0.01	100.00
BPC	10.80	-10.00	0.00	400.00
DL1	16.20	-10.00	-0.08	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	45.2	3,887	11.6	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	53.5	4,804	11.1	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.3	1,583	11.6	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	21.2	3,780	5.6	1.2	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.8	1,880	6.8	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	169.0	6,719	25.2	6.3	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.2	1,782	11.9	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	103.4	5,453	19.0	6.0	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.2	1,781	6.8	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	82.6	8,808	9.4	2.8	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.1	6,553	4.9	1.2	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	53.5	4,804	11.1	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	20.0	2,282	8.7	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.6	4,465	6.0	1.2	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	97.1	5,046	19.2	3.6	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.7	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.5	5,248	11.0	2.6	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.1	2,117	4.8	0.6	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	176.0	14,782	11.9	4.9	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.6	0	13.6	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM dầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài, ... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn